

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu, tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bỉ

Ông Nguyễn Văn Còn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Mãi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ di dời tài sản trên đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Y, sinh năm 1948; Địa chỉ: KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Y là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948; Địa chỉ: KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2021) (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1949; Địa chỉ: KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

2.2 Bà Lý Thị Yến H, sinh năm 1973; Địa chỉ: KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948; Địa chỉ: KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/4/2022, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đặng Văn Y trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Ông Đặng Văn Y là người quản lý, sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 27 diện tích 1849,8m² tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 227566 ngày 30/12/2010. Nguồn gốc thửa đất 213 là của cha mẹ cho, sau đó ông Y làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Y không nhớ có đo đạc thực tế hay không.

Liên kề với đất 213 là thửa đất số 214, 224 của bà Nguyễn Thị Bé T và thửa đất 197 của bà Lý Thị Yến H. Trong quá trình sử dụng đất bà Bé T xây dựng hàng rào lấn sang phần đất của ông Y diện tích 26,9m² và bà H xây dựng nhà vệ sinh lấn sang phần đất của ông Y diện tích 08m². Ông Y có nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Trụ giải quyết nhưng không thành. Trước khi bà Bé T, bà H xây dựng hàng rào và xây dựng nhà vệ sinh thì có mời địa chính xuống đo đạc nhưng khi bà Bé T, bà H xây dựng thì xây không đúng với vị trí cắm ranh lấn sang phần đất của ông Y.

Nay ông Y khởi kiện:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé T phải tháo dỡ hàng rào, trả lại cho ông Y phần diện tích đất tại vị trí A (diện tích 6,9m²) và vị trí B (diện tích 20m²), tổng cộng là 26,9m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Yêu cầu bà Lý Thị Yến H phải tháo dỡ, di dời phần nhà vệ sinh trả lại cho Y phần đất tại vị trí C diện tích 08m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Tất cả các vị trí đất tranh chấp trên theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021 (viết tắt là Mạnh trích đo địa chính số 103-2021). Ông Y đồng ý với mảnh trích đo địa chính và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá. Hiện tại, thửa đất số 213 ông Y không có thế chấp hay cầm cố cho ai.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Bà là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất số 214 (diện tích 548,5m²), 224 (diện tích 391,4m²), tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/12/2010. Nguồn gốc thửa đất 214, 224 là của cha mẹ cho, sau đó bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại vào năm 2010, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có đo đạc thực tế.

Liên kề với thửa đất của bà là thửa số 213 ông Đặng Văn Y. Trước khi tiến hành xây dựng hàng rào bà có mời địa chính xuống đo đạc, cắm ranh, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông Y) bà Đ cũng không có ý kiến phản đối gì. Ngày 19/01/2020 bà tiến hành xây dựng hàng rào, đồ đạc xong thì bà Đ tiến hành ngăn cản không cho xây dựng. Nay ông Y khởi kiện yêu cầu bà phải tháo dỡ hàng rào, trả lại cho ông Y phần diện tích đất tại vị trí A (diện tích 6,9m²) và vị trí B (diện tích 20m²), tổng cộng là 26,9m² theo Mạnh trích đo địa chính số 103-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021 thì bà không đồng ý, bà xây dựng hàng rào trên phần đất của bà, không có lấn sang phần đất của ông Y.

Nếu có căn cứ xác định bà lấn sang phần đất của ông Y, đối với hàng rào bà đã xây dựng thì bà đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất theo chứng thư thẩm định giá, không đồng ý tháo dỡ hàng rào.

Bà đồng ý với mảnh trích đo địa chính và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá. Hiện tại, thửa đất số 214 và 224 bà không có thế chấp hay cầm cố cho ai.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lý Thị H trình bày:*

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Bé T, là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất số 197 diện tích 239,7m², tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/3/2012. **Nguồn gốc thửa đất 197 là của cha mẹ cho, sau đó bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 thì có đo đạc thực tế.**

Liên kề với thửa đất của bà là thửa số 213 ông Đặng Văn Y. Trước khi tiến hành xây dựng nhà vệ sinh bà có mời địa chính thị trấn xuống đo đạc, cắm ranh. Nay ông Y khởi kiện yêu cầu bà phải tháo dỡ, di dời phần nhà vệ sinh trả lại cho Y phần đất tại vị trí C diện tích 08m² theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021 thì bà không đồng ý, bà xây dựng nhà vệ sinh trên phần đất của bà, không có lấn sang phần đất của ông Y.

Nếu có căn cứ xác định bà lấn sang phần đất của ông Y, đối với nhà vệ sinh bà đã xây dựng thì bà đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất theo chứng thư thẩm định giá, không đồng ý tháo dỡ nhà vệ sinh.

Bà đồng ý với mảnh trích đo địa chính và kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá. Hiện tại, thửa đất số 197 bà không có thế chấp hay cầm cố cho ai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bà là vợ của ông Đặng Văn Y thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Y, bà không bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, tại phần thủ tục hỏi, giai đoạn Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự:

Bà Nguyễn Thị Đ đại diện theo ủy quyền của ông Y rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc: Yêu cầu bà Lý Thị Yến H phải tháo dỡ, di dời phần nhà vệ sinh trả lại cho Y phần đất tại vị trí C diện tích 08m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại khu phố Bình Lợi, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021.

Bà Lý Thị Yến H cũng đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện như bà Đ đại diện của ông Y trình bày.

Các đương sự do bà Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Y và bà Nguyễn Thị Bé T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án xác định phần đất tranh chấp quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền sử dụng diện tích đất 6,9m² tại vị trí Khu A thuộc thửa đất 224, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại khu phố Bình Lợi, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền sử dụng diện tích đất 20m² tại vị trí Khu B thuộc thửa đất 214, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại khu phố Bình Lợi, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo đúng diện tích đất đã được xác định.

Vị trí, kích thước, tứ cận thửa đất được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021.

Bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn Y giá trị quyền sử dụng đất tại vị trí Khu A và Khu B tổng cộng là 5.457.900 đồng + 15.820.000 đồng = 21.277.900 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 19.100.000 đồng (Mười chín triệu một nghìn đồng): Các đương sự thống nhất, bà Đ đại diện theo ủy quyền của ông Y tự nguyện chịu 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) và đã nộp xong. Bà Nguyễn Thị Bé T tự nguyện chịu 15.000.000 đồng và có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Văn Y số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đặng Văn Y rút lại phần yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Lý Thị Yến H tại phần đất tại vị trí C diện tích 08m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết vụ án của ông Y đối với bà H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, giai đoạn hỏi, các đương sự là bà Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Y và bà Nguyễn Thị Bé T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp là phù hợp pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng Văn Y khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé T phải tháo dỡ hàng rào, trả lại cho ông Y phần đất tại vị trí A và B, diện tích là 26,9m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An và yêu cầu bà Lý Thị Yến H phải tháo dỡ nhà vệ sinh diện tích lấn chiếm là 1.1m² trả lại cho ông Y phần đất lấn chiếm tại vị trí C có diện tích là 8m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Tất cả vị trí tranh chấp theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất”. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

[2] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc: Yêu cầu bà Lý Thị Yến H phải tháo dỡ, di dời phần nhà vệ sinh trả lại cho Y phần đất tại vị trí C diện tích 08m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Y.

Về nội dung của vụ án:

[3] Tại phiên tòa, bà T, bà Đ và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Y đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ phần còn lại của vụ án. Xét thấy, thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Xét thấy, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút thì hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Y nhưng ông Y thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Y. Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó theo quy định tại khoản 8 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Cụ thể: mỗi bên phải phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí tính trên số tiền 21.277.900 đồng là 532.000 đồng (Đã làm tròn số).

[6] Ông Đặng Văn Y và bà Nguyễn Thị Bé T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai 2013; Điều 6, Điều 12, khoản 8 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Y về việc: Yêu cầu bà Lý Thị Yến H phải tháo dỡ, di dời phần nhà vệ sinh trả lại cho Y phần đất tại vị trí C diện tích 08m² thuộc thửa đất 213, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Đặng Văn Y về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị Bé T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền sử dụng diện tích đất 6,9m² tại vị trí Khu A thuộc thửa đất 224, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2.2 Bà Nguyễn Thị Bé T được quyền sử dụng diện tích đất 20m² tại vị trí Khu B thuộc thửa đất 214, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại KP B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2.3 Đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo đúng diện tích đất đã được xác định.

2.4 Vị trí, kích thước, tứ cận thửa đất được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 103-2021 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 31/12/2021.

2.5 Bà Nguyễn Thị Bé T có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn Y giá trị quyền sử dụng đất tại vị trí Khu A và Khu B tổng cộng là 5.457.900 đồng + 15.820.000 đồng = 21.277.900 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 19.100.000 đồng (Mười chín triệu một năm nghìn đồng): Ông Đặng Văn Y tự nguyện chịu 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) và đã nộp xong. Bà Nguyễn Thị Bé T tự nguyện chịu 15.000.000 đồng và có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Văn Y số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Bà Nguyễn Thị Bé T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5.2 Ông Đặng Văn Y được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người

phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương